

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	01
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	04 – 05
4. Báo cáo tài chính	
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	06 – 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	11 – 12
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 – 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công Ty Cổ phần Công nghệ cao (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Công nghệ cao được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000073, đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 10 năm 2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 06 ngày 20 tháng 01 năm 2015 chuẩn y về việc tăng vốn điều lệ do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ

11.500.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 3836.600

Fax : (061) 3835.833

Mã số thuế : 3 7 0 0 3 1 1 4 7 9

Hoạt động chính của Công ty:

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Sản xuất máy chuyên dụng khác: chế tạo các loại trạm trộn bê tông tự động, máy phục vụ ngư nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

2. Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 26).

3. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trương Hữu Chí	Chủ tịch
Ông Nguyễn Lộc	Phó Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Vũ	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Ân	Thành viên
Ông Hoàng Nghĩa Đàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Ân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH PKF Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

6. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

7. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Ân
Tổng Giám đốc

Số: 040/2017/BCKT-PKF.HCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ cao được lập ngày 04 tháng 03 năm 2017, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến ngoại trừ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, khoản nợ phải thu khách hàng quá hạn trên 03 năm là 2.714.821.129 đồng. Theo đó, khoản nợ quá hạn chưa được lập dự phòng là 1.288.426.019 đồng. Việc chưa lập dự phòng ảnh hưởng một khoản lợi nhuận tăng lên tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của các vấn đề được nêu ở đoạn “Cơ sở của ý kiến ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ cao tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho**Công ty TNHH PKF Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh****Phạm Thị Anh Khoa**

Phó giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1521-2015-242-1**Nguyễn Kim Hương**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3231-2017-242-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B01-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		53.711.511.240	32.626.107.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	579.546.002	511.481.667
1. Tiền	111		579.546.002	511.481.667
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.810.707.052	10.299.093.182
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.625.211.617	9.542.623.593
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.873.031.791	837.458.428
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.738.858.754	1.383.736.268
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.426.395.110)	(1.472.798.505)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	8.073.398
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	33.958.696.495	21.800.049.947
1. Hàng tồn kho	141		34.184.622.091	22.025.975.543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(225.925.596)	(225.925.596)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		362.561.691	15.482.689
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		362.561.691	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	15.482.689
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.994.500.912	1.597.924.833
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.451.550.741	1.597.924.833
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	1.451.550.741	1.597.924.833
Nguyên giá	222		4.144.137.837	3.998.737.837
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.692.587.096)	(2.400.813.004)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		410.405.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		410.405.000	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công ty khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		132.545.171	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		132.545.171	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		55.706.012.152	34.224.032.318

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		39.123.639.934	16.419.390.271
I. Nợ ngắn hạn	310		39.123.639.934	15.699.390.271
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	7.674.724.050	5.055.930.167
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	17.801.767.186	2.497.280.420
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	553.785.340	838.222.727
4. Phải trả người lao động	314	V.11	580.052.977	652.904.888
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	955.603.787	540.285.609
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	11.555.960.664	6.099.950.156
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.745.930	14.816.304
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	720.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả dài hạn nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	-	720.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		16.582.372.218	17.804.642.047
I. Vốn chủ sở hữu	410		16.582.372.218	17.804.642.047
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.14	11.500.000.000	11.500.000.000
1a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
1b. Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.14	2.500.052.000	2.500.052.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	1.022.779.348	1.022.779.348
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.14	1.387.040.870	1.387.040.870
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	172.500.000	1.394.769.829
11a. LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	1.394.769.829
11b. LNST chưa phân phối năm nay	421b		172.500.000	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		55.706.012.152	34.224.032.318

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Thị Hồng Nhung
 Người lập biểu


Hoàng Trung Dũng
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Ân
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B02-DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	47.659.186.795	27.117.370.580
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		47.659.186.795	27.117.370.580
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.977.877.424	22.740.506.220
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.681.309.371	4.376.864.360
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.519.228	1.058.860
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	796.765.252	318.756.262
Trong đó: chi phí lãi vay	23		796.765.252	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	938.562.900	1.096.688.773
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.583.371.791	1.655.373.132
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		377.128.656	1.307.105.053
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		102.062.925	41.299.315
13. Lợi nhuận khác	40		(102.062.925)	(41.299.315)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		275.065.731	1.265.805.738
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.10	102.565.731	287.563.112
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		172.500.000	978.242.626
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	161	912

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2017


 Nguyễn Thị Hồng Nhung
 Người lập biểu


 Hoàng Trung Dũng
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Ân
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B03-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		275.065.731	1.265.805.738
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	291.774.092	261.972.228
- Các khoản dự phòng	03		(46.403.395)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	796.765.252	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.317.201.680	1.527.777.966
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.812.289.477)	(71.621.773)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.158.646.548)	(2.816.465.892)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		17.020.630.798	(963.446.427)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(132.545.171)	-
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(796.765.252)	(351.830.156)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(52.432.394)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.562.413.970)	(2.728.018.676)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(555.805.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(555.805.000)	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường Số 7, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

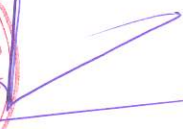
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	16.431.947.816	11.472.985.982
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(11.695.937.308)	(8.052.857.254)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(549.727.203)	(365.980.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4.186.283.305	3.054.147.978
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		68.064.335	326.129.302
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	511.481.667	185.352.365
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	579.546.002	511.481.667

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2017


Nguyễn Thị Hồng Nhung
 Người lập biểu


Hoàng Trung Dũng
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Ân
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU SỐ B09-DN

(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất.
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
 - Sản xuất máy chuyên dụng khác: chế tạo các loại trạm trộn bê tông tự động, máy phục vụ ngư nghiệp;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của hàng tồn kho bị giảm giá trị so với giá trị ghi sổ, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05 -15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

7. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

8. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Khi bán hàng hóa, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng năm.

11. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản tài chính được phân loại và ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phải sinh có giá trị thanh toán cụ thể hoặc có thể xác định được và có ngày đáo hạn cụ thể mà công ty có ý định chắc chắn và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính không phải sinh được xác định là có sẵn để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh, các khoản đầu tư đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

12. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

13. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

14. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.516.793	17.857.106
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	578.029.209	493.624.561
Cộng	579.546.002	511.481.667

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH cơ điện tử IMI	2.422.319.266	-	1.245.000.000	-
Công ty TNHH điện lạnh Thiên Phúc	1.628.450.092	-	1.928.450.092	-
Công ty TNHH Thương mại Tấn Phát	1.009.355.000	-	1.009.355.000	-
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Thạch	499.800.000	-	-	-
Chi nhánh Công ty cổ phần đầu tư Năng Ban Mai	465.000.000	-	-	-
Các khách hàng khác	3.600.287.259	(1.426.395.110)	5.359.818.501	(1.472.798.505)
Cộng	9.625.211.617	(1.426.395.110)	9.542.623.593	(1.472.798.505)

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH điện lạnh Thiên Phúc	5.625.000.000	-
Công ty TNHH Đức Mận	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SICOMA Việt Nam	322.598.700	-
Công ty TNHH Công nghệ đại dương VINA	309.367.500	30.000.000
Các nhà cung cấp khác	616.065.591	807.458.428
Cộng	7.873.031.791	837.458.428

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Ngắn hạn	2.738.858.754	-	1.383.736.268	-
Tạm ứng	2.638.936.030	-	1.281.264.774	-
Ký quỹ ngắn hạn	59.945.000	-	49.945.000	-
Phải thu khác	39.977.724	-	52.526.494	-
Cộng	2.738.858.754	-	1.383.736.268	-

5. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	Trên 3 năm	2.714.821.129	1.426.395.110	Trên 3 năm	1.476.483.110	3.684.605
Cộng		2.714.821.129	1.426.395.110		1.476.483.110	3.684.605

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	1.472.798.505
Trích lập dự phòng bổ sung	-
Hoàn nhập dự phòng	(46.403.395)
Số cuối năm	1.426.395.110

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.666.569.258	-	862.469.990	-
Công cụ dụng cụ	24.188.454	-	24.523.454	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.237.812.358	-	20.882.930.078	-
Thành phẩm	256.052.021	(225.925.596)	256.052.021	(225.925.596)
Cộng	34.184.622.091	(225.925.596)	22.025.975.543	(225.925.596)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.606.210.640	1.132.515.530	1.260.011.667	3.998.737.837
Mua sắm trong năm	-	145.400.000	-	145.400.000
Số cuối năm	1.606.210.640	1.277.915.530	1.260.011.667	4.144.137.837
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	315.470.909	342.857.143	658.328.052
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	1.067.672.722	691.090.739	642.049.543	2.400.813.004
Khấu hao trong năm	87.709.838	108.634.904	95.429.350	291.774.092
Số cuối năm	1.155.382.560	799.725.643	737.478.893	2.692.587.096
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	538.537.918	441.424.791	617.962.124	1.597.924.833
Số cuối năm	450.828.080	478.189.887	522.532.774	1.451.550.741

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Một số tài sản cố định được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển - Chi nhánh Đồng Nai (thuyết minh V.13).

8. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	3.483.672.558	3.483.672.558	318.565.628	318.565.628
Công ty Cổ phần xây dựng và thiết bị công nghiệp CIE1	971.448.000	971.448.000	971.448.000	971.448.000
Công ty TNHH thương mại thép Đại Toàn Thắng	694.966.341	694.966.341	343.348.628	343.348.628
Công ty Cổ phần thương mại Kim Hoa	500.000.000	500.000.000	-	-
DNTN Việt Thành	480.088.820	480.088.820	30.972.304	30.972.304
Các nhà cung cấp khác	1.544.548.331	1.544.548.331	3.391.595.607	3.391.595.607
Cộng	7.674.724.050	7.674.724.050	5.055.930.167	5.055.930.167

9. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Phân Viện Máy và Dụng Cụ Công Nghiệp ^(*)	17.801.767.186	-
Công ty TNHH Cơ điện tử IMI	-	2.415.000.000
Các khoản người mua ứng trước khác	-	82.280.420
Cộng	17.801.767.186	2.497.280.420

^(*) Công nợ với bên liên quan.**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng nội địa	402.612.505	-	(88.674.772)	313.937.733
Thuế xuất nhập khẩu	(15.482.689)	15.482.689	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	249.412.029	102.565.731	(204.826.951)	147.150.809
Thuế thu nhập cá nhân	186.198.193	13.225.000	(106.726.395)	92.696.798
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	822.740.038	131.273.420	(403.228.118)	553.785.340

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng: 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	275.065.731	1.265.805.738
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	237.762.925	41.299.315
Thu nhập chịu thuế	512.828.656	1.307.105.053
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	102.565.731	287.563.112

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương tháng 12	471.875.179	424.172.383
Lương tháng 13	108.177.798	228.732.505
Cộng	580.052.977	652.904.888

12. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.036.450	10.109.848
Kinh phí công đoàn	34.455.391	28.156.260
Các khoản bảo hiểm trích theo lương	104.367.047	53.502.678
Cổ tức phải trả	790.531.093	268.065.435
Phải trả khác (thu hộ phải trả)	24.213.806	180.451.388
Cộng	955.603.787	540.285.609

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	11.555.960.664	11.555.960.664	6.099.950.156	6.099.950.156
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển - Chi nhánh Đồng Nai ^(a)	4.043.013.195	4.043.013.195	2.999.950.156	2.999.950.156
Doãn Thị Hương ^(b)	4.212.947.469	4.212.947.469	2.800.000.000	2.800.000.000
Võ Thị Tuyết Hương ^(b)	3.300.000.000	3.300.000.000	-	-
Trương Hữu Trí ^(b)	-	-	300.000.000	300.000.000
Vay dài hạn	-	-	720.000.000	720.000.000
Doãn Thị Hương ^(c)	-	-	720.000.000	720.000.000
Cộng	11.555.960.664	11.555.960.664	6.819.950.156	6.819.950.156

(a) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất điều chỉnh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (thuyết minh V.7).

(b) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm. Đây là khoản vay của bên liên quan.

(c) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 12%/năm. Đây là khoản vay của bên liên quan.

Chi tiết các khoản phát sinh vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số vay phát sinh trong năm	Số vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	6.099.950.156	16.431.947.816	(10.975.937.308)	11.555.960.664
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát Triển - Chi nhánh Đồng Nai	2.999.950.156	7.382.717.816	(6.339.654.777)	4.043.013.195
Doãn Thị Hương	2.800.000.000	4.249.230.000	(2.836.282.531)	4.212.947.469
Võ Thị Tuyết Hương	-	3.300.000.000	-	3.300.000.000
Tạ Thị Ngọc Thanh	-	1.500.000.000	(1.500.000.000)	-
Trương Hữu Trí	300.000.000	-	(300.000.000)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	720.000.000	-	(720.000.000)	-
Doãn Thị Hương	720.000.000	-	(720.000.000)	-
Cộng	6.819.950.156	16.431.947.816	(11.695.937.308)	11.555.960.664

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	853.924.168	17.263.796.386
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	978.242.626	978.242.626
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(40.066.215)	(40.066.215)
Chia lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	(397.330.750)	(397.330.750)
Số dư cuối năm trước	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	1.394.769.829	17.804.642.047
Số dư đầu năm nay	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	1.394.769.829	17.804.642.047
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	172.500.000	172.500.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(40.042.626)	(40.042.626)
Chí cổ tức các năm trước	-	-	-	-	(549.727.203)	(549.727.203)
Trích cổ tức năm 2015	-	-	-	-	(805.000.000)	(805.000.000)
Số dư cuối năm nay	11.500.000.000	2.500.052.000	1.022.779.348	1.387.040.870	172.500.000	16.582.372.218

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

- 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**
Là doanh thu bán thành phẩm.

- 2. Giá vốn hàng bán**
Là giá vốn thành phẩm bán ra.

Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	48.111.262.184	24.212.311.555
Chi nhân công trực tiếp	3.027.189.792	2.345.913.754
Chi phí sản xuất chung	3.194.307.728	3.222.786.619
Tổng chi phí sản xuất	54.332.759.704	29.781.011.928
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(11.354.882.280)	(7.040.505.708)
Cộng giá vốn hàng bán	42.977.877.424	22.740.506.220

- 3. Chi phí tài chính**
Là chi phí lãi vay.

- 4. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	802.425.688	576.038.230
Chi phí vật liệu, bao bì	30.543.344	1.750.000
Chi phí bảo hành	20.435.000	19.732.803
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	28.778.967
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.680.000	342.721.783
Chi phí bằng tiền khác	39.478.868	127.666.990
Cộng	938.562.900	1.096.688.773

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.559.071.800	1.325.724.629
Chi phí đồ dùng văn phòng	55.067.852	42.161.442
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.514.868	70.514.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.023.786	209.213.310
Chi phí bằng tiền khác	672.693.485	7.758.883
Cộng	2.583.371.791	1.655.373.132

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	172.500.000	978.242.626
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	172.500.000	978.242.626
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.072.500	1.072.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	161	912

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	1.072.500	1.072.500
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.072.500	1.072.500

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.325.650.827	24.251.161.997
Chi phí nhân viên	5.606.752.322	4.578.222.526
Chi phí khấu hao tài sản cố định	291.774.092	290.751.195
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.918.344.801	3.042.175.012
Chi phí khác	712.172.353	370.763.103
Cộng	57.854.694.395	32.533.073.833

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần trình bày trên Báo cáo tài chính.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị		
Cho vay	9.049.230.000	3.083.600.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
Cho vay	7.512.947.469	300.000.000
Cộng nợ phải trả	7.512.947.469	300.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Phân viện Máy và Dụng cụ Công nghiệp	Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Việt Nam	Cổ đông
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ cao	Chi nhánh hạch toán độc lập

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Phân viện máy và Dụng cụ Công nghiệp		
Công ty mua vật tư	442.500.000	1.717.620.584
Công ty bán thành phẩm	6.343.000.000	8.311.445.229
Ứng trước tiền hàng	17.790.486.766	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phân viện máy và Dụng cụ Công nghiệp		
Phải thu tiền hàng	-	1.973.713.234
Cộng nợ phải thu	-	1.973.713.234
Ứng trước tiền hàng	17.790.486.766	-
Phải trả tiền mua vật tư	272.500.000	-
Cộng nợ phải trả	17.790.486.766	-

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	579.546.002	511.481.667	579.546.002	511.481.667
Phải thu khách hàng	9.625.211.617	9.542.623.593	8.198.816.507	8.069.825.088
Các khoản phải thu khác	2.738.858.754	1.383.736.268	2.738.858.754	1.383.736.268
Cộng	12.943.616.373	11.437.841.528	11.517.221.263	9.965.043.023
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	7.674.724.050	5.055.930.167	7.674.724.050	5.055.930.167
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	212.707.607	838.222.727	212.707.607	838.222.727
Phải trả người lao động	580.052.977	652.904.888	580.052.977	652.904.888
Phải trả khác	955.603.787	540.285.609	955.603.787	540.285.609
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	11.555.960.664	6.819.950.156	11.555.960.664	6.819.950.156
Cộng	20.979.049.085	13.907.293.547	20.979.049.085	13.907.293.547

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và bị giảm giá	Đơn vị tính: VND Cộng
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	579.546.002	-	579.546.002
Phải thu khách hàng	8.198.816.507	1.426.395.110	9.625.211.617
Các khoản phải thu khác	2.738.858.754	-	2.738.858.754
Cộng	11.517.221.263	1.426.395.110	12.943.616.373
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	511.481.667	-	511.481.667
Phải thu khách hàng	8.069.825.088	1.472.798.505	9.542.623.593
Các khoản phải thu khác	1.383.736.268	-	1.383.736.268
Cộng	9.965.043.023	1.472.798.505	11.437.841.528

5. Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Phải trả cho người bán	7.674.724.050	-	7.674.724.050
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	212.707.607	-	212.707.607
Phải trả người lao động	580.052.977	-	580.052.977
Phải trả khác	955.603.787	-	955.603.787
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	11.555.960.664	-	11.555.960.664
Cộng	20.979.049.085	-	20.979.049.085
Số đầu năm			
Phải trả cho người bán	5.055.930.167	-	5.055.930.167
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	838.222.727	-	838.222.727
Phải trả người lao động	652.904.888	-	652.904.888
Phải trả khác	540.285.609	-	540.285.609
Vay và nợ thuê tài chính ngắn/dài hạn	6.099.950.156	720.000.000	6.819.950.156
Cộng	13.187.293.547	720.000.000	13.907.293.547

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ CAO

Địa chỉ: Đường số 07, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Đồng Nai, ngày 04 tháng 03 năm 2017



Nguyễn Thị Hồng Dung
Người lập biểu



Hoàng Trung Dũng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ân
Tổng Giám Đốc

